

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-PT

Ngày 09-01-2023

“Về việc ly hôn, tranh chấp  
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Mười.

*Các Thẩm phán:*

Bà Trịnh Thị Thu Lan

Bà Hoàng Thị Mai Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Đức Thiên Phước - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2022/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 144/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1982.

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị Hồng Th, sinh năm: 1980.

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người kháng cáo:* Chị Bùi Thị Hồng Th, là bị đơn.

Anh T, chị Th có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* *Tại đơn khởi kiện ngày 07/5/2022; đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 17/6/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Anh và chị Bùi Thị Hồng Th tự tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 22/6/2006. Thời gian đầu chung sống, anh T luôn dành tình cảm, chăm sóc lo lắng cho chị Th và các con vì mong muốn có được một gia đình hạnh phúc. Bản thân anh là Giáo viên, mức lương bình quân hàng tháng của anh là 5.500.000 đồng; chị Th không có công việc làm ổn định, nên mọi chi tiêu trong gia đình phần lớn đều nhờ vào thu nhập của anh. Vì vậy, ngoài giờ làm việc, anh còn phải làm thêm nhiều việc khác nhằm có đủ tiền trang trải cho cuộc sống gia đình và trả tiền thuê nhà, nhưng chị Th không nhận thấy và không chia sẻ những khó khăn với anh mà lại thường xuyên tham gia chơi bài bạc, lô đề và vay mượn tiền bạc để phục vụ cho cá nhân chị Th. Anh nhiều lần khuyên ngăn nhưng chị Th vẫn không thay đổi cách sống nên anh và chị Th thường xuyên cãi vã, làm ảnh hưởng đến tâm lý và việc học tập của các con. Vì quá nhiều áp lực trong cuộc sống chung và mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên từ tháng 6/2022 đến nay, anh tự đi thuê nhà sống riêng. Trong thời gian sống riêng, anh không liên lạc với chị Th vì anh muốn chị Th thấy được anh không còn tình cảm với chị. Đối với các con, anh vẫn tìm cách liên lạc để lo lắng các chi phí học tập cho con.

- Về con chung: Anh và chị Th có 03 con chung là cháu Nguyễn Quang T1, sinh ngày 26/3/2007; cháu Nguyễn Quang T2, sinh ngày 11/7/2009 và cháu Nguyễn Quang S, sinh ngày 22/7/2019. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con chung, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*\* Tại bản tự khai ngày 30/6/2022, trong quá trình Tòa án giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn là chị Bùi Thị Hồng Th trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào năm 2006. Trong quá trình chung sống, do kinh tế gia đình khó khăn nên từ năm 2006 đến nay vợ chồng vẫn ở nhà thuê. Anh T là giáo viên, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 5.500.000 đồng, nên bản thân chị cũng phải lo mua bán để có thu nhập cùng với anh T chăm lo cho gia đình và chăm sóc, nuôi dạy các con. Vì công việc làm ăn của chị có liên quan đến tiền bạc nên vào tháng 4/2022, chị có mượn của bạn bè một số tiền để làm vốn buôn bán, anh T không hiểu, cho rằng chị vay mượn tiền để chơi bài bạc nên giữa vợ chồng mất niềm tin, thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ tháng 5/2022 đến nay, anh T tự ý thuê nhà ở riêng không cho chị biết địa chỉ và cũng không quan tâm gì đến con chung, chị phải tự xoay sở buôn bán để kiếm tiền nuôi các con và trả tiền thuê nhà.

Trong quá trình Tòa án giải quyết, chị mong muốn được hàn gắn, chung sống với anh T. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị đồng ý ly hôn anh T với điều kiện anh T phải giao 03 con chung là cháu Nguyễn Quang T1, sinh ngày 26/3/2007; cháu Nguyễn Quang T2, sinh ngày 11/7/2009 và cháu Nguyễn Quang S, sinh ngày

22/7/2019 cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 03 con chung là 4.500.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*\* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi đã xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T xin ly hôn đối với chị Bùi Thị Hồng Th. Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Bùi Thị Hồng Th.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 01/2005 do UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 22/6/2006 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Quang T2, sinh ngày 11/7/2009; giao cho chị Bùi Thị Hồng Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Quang T1, sinh ngày 26/3/2007 và cháu Nguyễn Quang S, sinh ngày 22/7/2019.

Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Quang S 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Nguyễn Quang S đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 10/2022.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Hồng Th đều trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*\* Ngày 05/10/2022 và ngày 20/10/2022, chị Bùi Thị Hồng Th có đơn kháng cáo, đơn kháng cáo bổ sung với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao 03 con chung là cháu Nguyễn Quang T1, sinh ngày 26/3/2007; cháu Nguyễn Quang T2, sinh ngày 11/7/2009 và cháu Nguyễn Quang S, sinh ngày 22/7/2019 cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi 03 con chung 4.500.000 đồng/tháng.*

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phúc thẩm:*

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Bùi Thị Hồng Th làm trong thời hạn luật định là hợp lệ. Từ khi thụ lý đến khi giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất giao 03 con chung là cháu Nguyễn Quang T1, sinh ngày 26/3/2007; cháu Nguyễn Quang T2, sinh ngày 11/7/2009 và cháu Nguyễn Quang S, sinh ngày 22/7/2019 cho chị Th trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Quang T2, sinh ngày 11/7/2009 là 1.000.000 đồng/tháng và cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Quang S, sinh ngày 22/7/2019 là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn là chị Bùi Thị Hồng Th làm trong thời hạn luật định, đảm bảo hình thức, nội dung theo quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nên hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Hồng Th đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung, cụ thể: Anh T đồng ý để chị Th trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Quang T1, sinh ngày 26/3/2007; cháu Nguyễn Quang T2, sinh ngày 11/7/2009 và cháu Nguyễn Quang S, sinh ngày 22/7/2019. Anh T sẽ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Quang T2, sinh ngày 11/7/2009 là 1.000.000 đồng/tháng và cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Quang S, sinh ngày 22/7/2019 là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con được tính từ tháng 10/2022.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0004713 ngày 14/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, 148, khoản 1 Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 81, 82, 83, 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Sửa Bản án sơ thẩm số 26/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi về phần nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

### 1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. Chị Bùi Thị Hồng Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Quang T1, sinh ngày 26/3/2007; cháu Nguyễn Quang T2, sinh ngày 11/7/2009 và cháu Nguyễn Quang S, sinh ngày 22/7/2019.

1.2. Anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Quang T2, sinh ngày 11/7/2009 mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) và cháu Nguyễn Quang S, sinh ngày 22/7/2019 mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi cháu Nguyễn Quang T1 và cháu Nguyễn Quang S đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 10/2022.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

### 2. Về án phí:

2.1. Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0003105 ngày 23/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Anh Nguyễn Văn T còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Chị Bùi Thị Hồng Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0004713 ngày 14/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Chị Bùi Thị Hồng Th đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Mười**